



CHIẾN THẮNG CỦA CÁC NHÀ KINH TẾ?

Alex Millmow

Một ấn phẩm của VEPR



52315231



Chiến thắng của các nhà kinh tế?¹

Alex Millmow²

Biên dịch: Nguyễn Thị Thu Giang³ và Đinh Thị Minh Anh⁴

Hiệu đính: Trần Mạnh Cường⁵

Quan điểm được trình bày trong bài viết này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của dịch giả hoặc VEPR và Broaden Economics

¹ Nguồn bản tiếng Anh: <http://press-files.anu.edu.au/downloads/press/p79491/pdf/ch0170.pdf>

² Chủ tịch, Hội nghiên cứu Lịch sử Tư tưởng Kinh tế Úc

³ CTV Nghiên cứu, Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng thuộc VEPR

⁴ CTV Nghiên cứu, Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng thuộc VEPR

⁵ Phó Giám đốc, Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng thuộc VEPR

Tổng quan:

Tiêu đề của bài viết này trích từ một chương trong cuốn sách “Sức mạnh của các ý tưởng kinh tế” (The Power of Economic Ideas) của Alex Millow với tiêu đề phụ “Nguồn gốc của điều hành kinh tế vĩ mô kiểu Keynes ở Úc trong giai đoạn giữa hai cuộc thế chiến từ 1929 đến 1939”.

Chỉ trước đó một thời gian ngắn, các nhà kinh tế không có kế hoạch cũng chẳng có chút quyền hạn nào trong việc giải quyết các khó khăn kinh tế đặc thù. Và những lời khuyên từ các nhà kinh tế đối với các chính trị gia chỉ như đàn gảy tai trâu. Vậy, điều gì đã giúp các nhà kinh tế trở nên có trọng lượng hơn trong mắt các nhà hoạch định chính sách? Câu trả lời không chỉ nằm ở sự chuyên chú đối với các chính sách, mà quan trọng hơn, chính là việc những tư vấn của họ xuất phát từ những ý tưởng kinh tế mới.

Từ khóa: Kinh tế học Keynesian, Tư vấn chính sách, Úc, Đại Khủng hoảng, Điều hành kinh tế vĩ mô

CHIẾN THẮNG CỦA CÁC NHÀ KINH TẾ?

Năm 1982, Colin Clark đã viết cho nhà kinh tế Joan Robinson của trường Cambridge để nói rằng ông đã tìm ra một luận điểm quan trọng của J. M. Keynes và sự phát triển của một vài tư tưởng của ông về sau đã xuất hiện trong *Lý thuyết Tổng quát*⁶. Vào năm 1932, Keynes đã viết một bài đánh giá về những động thái kinh tế của chính quyền Úc trong Cuộc khủng hoảng. Phần nào nhờ hỗ trợ đặc biệt từ các chuyên gia kinh tế, giới chức nước này đã phản ứng lại bằng một sự kết hợp tinh vi gồm cắt giảm chi phí, chính sách tài khoá thắt lưng buộc bụng và chính sách bành trướng tiền tệ một cách vừa phải. Khi được yêu cầu đánh giá chính sách kinh tế của Úc, Keynes đã phản đối ý tưởng cắt giảm lương sâu hơn hay thực chất là phá giá tiền tệ, cho rằng Úc nên chờ đợi một động thái phù hợp từ quốc tế để hồi phục hoạt động kinh tế. Keynes kiến nghị đầu tư lớn hơn vào các dự án công. Kiến nghị đó, như chúng ta sẽ thấy, đã không làm các nhà kinh tế Úc thoả mãn hoàn toàn.

Keynes đã từng nhận xét rằng “trong lịch sử tranh luận này không nhiều đoạn đáng giá... hơn những gì đã diễn ra giữa các nhà kinh tế trong suốt mười năm... trước chiến tranh”⁷. Nghiên cứu này hướng sự chú ý tới Úc và giới chuyên gia kinh tế của đất nước này. Trước thềm đại chiến thế giới lần thứ hai, cộng đồng nhỏ các nhà nghiên cứu kinh tế hàn lâm của Úc đã bị cơn sóng Keynesian lướt qua. Một viễn cảnh mới của việc quản lí nền kinh tế đã nằm trong tầm tay. Bên cạnh ảnh hưởng trí tuệ, *Lý thuyết Tổng quát* của Keynes đã khiến các nhà kinh tế Úc xôn xao, từ trước khi thế chiến thứ hai nổ ra, họ đã nhấn mạnh về sự cần thiết phải quản lí nền kinh tế chặt chẽ hơn. Trong suốt những năm 1930, mối quan hệ giữa các nhà kinh tế Úc và chính phủ liên bang dao động giữa trạng thái hòa hợp đáng kể và thờ ơ lạng lẽ. Vào năm 1931, các nhà kinh tế và chính trị gia đã ngồi lại để thiết lập một chính sách thống nhất và đặc thù nhằm đối phó với Cuộc khủng hoảng trong lòng nước Úc. Kết quả của cú bắt tay ấy – ‘Kế hoạch của Thủ tướng’ (Premiers’ Plan) - là một nỗ lực trong thí nghiệm kinh tế mà kiến trúc sư trưởng, Douglas Copland (1937a:409), đã quảng cáo như là “sự giải lạm phát mang tính kiến tạo”. Kế hoạch này đã nhanh chóng được thiết kế nhằm đáp ứng yêu cầu khôi phục và tái điều chỉnh cấu trúc tài chính của đất nước. Vào thời điểm đó, Kế hoạch của Thủ tướng đã dẫn đầu thế giới trong việc thử nghiệm kinh tế khi đối mặt

⁶ C. Clark trao đổi với J. Robinson, 14 tháng Năm 1981, Các bài viết của Colin Clark, Đại học Queensland

⁷ J. M. Keynes trao đổi với E. Durbin, 1942, Các bài viết của Keynes, King’s College, Cambridge (sau đây, KPKC)

với khủng hoảng; nó đã thu hút sự hiếu kỳ về mặt trí tuệ và nghiên cứu học thuật từ khắp mọi nơi (MacLaurin 1936; Dow 1938; Hawtrey 1934; Garnett 1949). Điều này cho thấy Úc là một trong những nước đầu tiên bổ nhiệm một nhóm các nhà kinh tế tài ba, có quyền hạn nhất định để giúp đưa đất nước vượt qua các khó khăn (Goodwin 1974:235).

Chỉ trước đó một thời gian ngắn, các nhà kinh tế không có kế hoạch cũng chẳng có chút quyền hạn nào trong việc giải quyết các khó khăn kinh tế đặc thù của nước Úc. Kế hoạch của Thủ tướng, khi cần thiết, là một kế hoạch mang cảm hứng chính trị đặt trong những tình huống đẩy các nhà kinh tế phải ra tiền tuyến. Copland đã đề cập tới bản kế hoạch này một cách bí mật, bằng một lí do tốt đẹp, như là “kế hoạch của các nhà kinh tế”, nhưng các chính trị gia là người thực hiện chúng. Không lâu trước đó, các nhà kinh tế đã dấy lên quan ngại rằng các thiết chế chính sách kinh tế đang quá nghiêng về hướng giải lạm phát và ôm đồm các yếu tố bên ngoài. Tuy nhiên, cũng trong hoàn cảnh ấy, khi nền kinh tế phục hồi một cách chậm chạp thì các nhà cầm quyền, một lần nữa, sẵn sàng quay sang các nhà kinh tế. Dù sao, xét trên tổng thể, các nhà kinh tế Úc đã thực sự bước chân vào thế giới tư vấn chính sách trong suốt những năm 1930. Ví dụ, đến năm 1938, ngân hàng trung ương Úc, với sự hậu thuẫn của các nhà kinh tế, đã giải quyết hiệu quả nguy cơ lan rộng toàn cầu của đợt thoái trào thường được biết tới dưới cái tên suy thoái Roosevelt. Vào năm tiếp theo, các nhà kinh tế - một vài đang hoạt động bán chính thức - đã đạt được thành tựu lớn hơn với một bản kế hoạch cho việc hỗ trợ chuẩn bị tham chiến của Úc mà không gây ra những đứt gãy kinh tế nghiêm trọng. Vậy, điều gì đã giúp các nhà kinh tế trở nên có trọng lượng hơn trong mắt các nhà hoạch định chính sách? Câu trả lời không chỉ nằm ở sự chuyên chú đối với các chính sách, mà quan trọng hơn, chính là việc những tư vấn của họ xuất phát từ những ý tưởng kinh tế mới.

Hồ sơ ngăn cách này giữa các nhà kinh tế và chính trị gia, tất nhiên, không có gì là lạ. Hoạch định chính sách vốn được biết đến như một chu trình nội bộ, kì bí với sự tác động từ vô vàn nguồn lợi ích khác nhau. Các chính trị gia chẳng mấy khi trông cậy các nhà kinh tế nói cho họ những điều cần phải làm. Các nhà kinh tế, như với “Kế hoạch của Thủ tướng”, thường chỉ có thể đưa ra các lí lẽ cho việc hành động hay không hành động mà thôi (Harcourt 1986). Mô hình tư tưởng kinh tế mới chiếm ưu thế trong những năm 1930 chính

CHIẾN THẮNG CỦA CÁC NHÀ KINH TẾ?

là sự ra đời của kinh tế học vĩ mô. *Lý thuyết Tổng quát* của Keynes từng được cho là đã khơi dậy niềm cảm hứng đối với những tham vọng lớn lao của các nhà kinh tế trong việc quản lí nền kinh tế. Sự thất bại của Keynes trong việc xây dựng các nền tảng chính sách ở Anh Quốc trong những năm cuối thập kỉ 30 của thế kỉ XIX đã được ghi chép lại một cách cẩn thận (Peden 1988; Middleton 1985; Tomlinson 1984; Skidelsky 1992). Thậm chí đến Keynes cũng tuyệt vọng. Bộ tài chính Anh đã cân trọng quá mức, do cả bản năng và qua đào tạo, để có thể cùng lướt đi trên con sóng “cách mạng” về lý thuyết kinh tế, cho đến tận khi chiến tranh nổ ra và làm thay đổi điều này (Peden 1988:120).

Khi các cơ quan hoạch định chính sách Anh Quốc tiếp nhận *Lý thuyết Tổng quát* của Keynes, chúng vẫn rối ren, mâu thuẫn và thiếu hoàn chỉnh (Bridge 1964). Trong khi những ý tưởng và lí thuyết của Keynes quét qua tất cả các hàng hiên, dãy hành lang của quyền lực cho thấy bước qua đây không phải là một điều dễ dàng. Quá trình truyền bá tư tưởng đã bị kìm hãm bởi bối cảnh, tính quan liêu trì trệ, xu thế tư tưởng của thời đại, và quan trọng không kém, bởi chính bản chất của những tư tưởng đó. Cho đến tận khi Keynes đặt chân vào làm việc tại Bộ Tài chính Anh Quốc trong suốt thế chiến thứ hai, các ý tưởng của ông mới tìm được đường ứng dụng vào chính sách. Ngay cả trong thời kì đó, một hội ký ít được biết đến của Keynes cũng cho thấy văn phòng Bộ Tài chính vẫn cảm thấy Keynes không thể hiểu được tính cứng nhắc và khó điều chỉnh của các quy trình chính trị (Le Pan 1979:83).

Sự truyền bá tư tưởng của Keynes đến với giới chính trị chính thống của Úc, ngược lại, êm xuôi và sáng tạo hơn - nhờ có một khởi đầu hữu ích - thân thiện và tin tưởng - mà các nhà kinh tế đã thiết lập với các lãnh đạo chính phủ từ những năm 1930. Nước Úc dường như là một mảnh đất màu mỡ để nuôi dưỡng các nhà kinh tế trường phái Keynes chính gốc, mặc dù không nhất thiết phải có chức danh hành chính (Markwell 1985; Smyth 1994; Turnell 1999). Có ý kiến cho rằng, Úc chính là “thiên đường cho các nhà kinh tế thực tiễn” (trích từ Goodwin 1974:236). Ngoài định hướng công khai về chuyên môn nghề nghiệp, sự ảnh hưởng của các nhà kinh tế còn bởi chính sách kinh tế không hoàn toàn nằm trong phạm vi ảnh hưởng của chính phủ Úc. Bốn cơ quan bên ngoài nghị trường - Toà án Trọng tài, Ủy ban Thuế, Ngân hàng Thịnh vượng chung và Hội đồng Cho vay Úc - thiết lập nên “thế bốn bên trong quản lí tình hình công nghiệp và tài chính” (trích từ Brown 1944:91).

Bởi ngân hàng thịnh vượng chung được cho là có nhiều quyền hành đối với việc định hình chính sách tiền tệ và ngân sách, các nhà kinh tế hàn lâm đã được thay thế, ở một mức độ nhất định, bằng “các nhà kinh tế nội bộ” (inside economists) (Corden 1968). Tuy nhiên, họ vẫn như đúc từ một khuôn. Cũng tại các diễn đàn quốc tế, các nhà kinh tế Úc đã đạt được sự vượt trội nhờ hấp thu quan điểm Keynesian nguyên bản để khôi phục sự cân bằng với nền kinh tế toàn cầu (Turnell 1999). Quan trọng hơn, các nhà kinh tế Úc đã được thông báo về những bước tiến mới nhất của lý thuyết và thực tiễn kinh tế.

Đối lập với những điều sắp sửa trở thành ánh sáng chói lọi của lý luận kinh tế, tồn tại một chính phủ liên bang thỏa mãn với sự hồi phục đạt được bởi điều chỉnh kinh tế và củng cố chính sách tài khoá. Nổi tiếng với lập trường “để mặc hoạt động kinh doanh”, ba nhiệm kỳ chính phủ Lyons cầm quyền từ 1932 đến 1939 có xu hướng thờ ơ với hoạt động trí tuệ (Hart 1967). Suốt những năm 1930, các nhà kinh tế hàn lâm, trong nỗ lực thay đổi xu thế tư tưởng chung, đã trình bày với các chính khách cả trực tiếp và thông qua các ấn phẩm. Khi xem xét một cách kỹ càng, như nhiều nhà phê bình ngoại quốc ghi nhận, các nhà kinh tế Úc có sức ảnh hưởng tương đối với các cơ quan hoạch định chính sách hơn so với những người đồng cấp ở nước ngoài. Họ đạt được điều này nhờ bối cảnh riêng của Úc cùng với những tiên đề và những quy ước đã hỗ trợ cho giới kinh tế.

Nền móng đã sẵn sàng, để sau đó, sẽ tấn công vào sự chấp nhận chủ nghĩa Keynes của nước Úc. Chao ôi, một “tầm nhìn kinh tế thay đổi một cách đơn giản” thuận tiện giữa các nhà lãnh đạo chính trị đã không xuất hiện (Heilbroner và Milberg 1995:43). Những viên gạch đầu tiên cho việc quản lý kinh tế toàn diện ở Úc bắt đầu bằng năm ngân sách 1939/40, thời điểm đưa vào áp dụng kỹ thuật của các nhà Keynesian về tính toán khoảng cách lạm phát (Cornish 1993a; Markwell 1985). Phương thức giải quyết tài chính chiến tranh mà Keynes phác thảo trong cuốn “Phương thức chi trả cho chiến tranh” - làm thế nào để chuyển các nguồn lực từ khối dân sự sang phục vụ mục đích chiến tranh mà không gây ra lạm phát - đã được thực thi bởi các nhà kinh tế Úc (Walker 1939b).

Phạm vi của cuốn sách này

Cuốn sách này dự định trình bày quá trình những ý tưởng và tư duy lý thuyết của các nhà kinh tế Úc, được soi chiếu qua lăng kính của hoạt động tư vấn chính sách, trải qua một

CHIẾN THẮNG CỦA CÁC NHÀ KINH TẾ?

cuộc biến chuyển lớn trong suốt những năm 1930. Người ta cho rằng, một vài nhà kinh tế quan trọng của Úc đã được khuyến khích, từ những năm 1930 trở đi, để tìm ra một dòng tư tưởng kinh tế được cập nhật thông tin và mở rộng hơn tính đến thời điểm hiện tại. Các nhà kinh tế hẳn đã có những khác biệt căn bản về quan điểm lí luận và chính sách trong giai đoạn từ năm 1929 đến 1939. Mặc dù tồn tại những ngoại lệ, sự biến chuyển đáng kể trong hoạt động tư vấn chính sách và lý thuyết hoá của các nhà kinh tế trong giai đoạn này vẫn đối lập hoàn toàn với các chính trị gia. Sự bất đồng quan điểm giữa hai nhóm này được đặt trong mối tương quan với những đặc tính của những sự kiện kinh tế đã qua ở Úc trong những năm 1930. Những sự kiện này không chỉ có suy thoái và hồi phục kéo dài mà còn bao gồm cả tính bất bành của các yếu tố bên ngoài, cùng với những lo ngại về chu kỳ lên xuống của nền kinh tế. Sự khác biệt cũng liên quan tới những sự kiện kinh tế làm ngắt quãng giai đoạn này, ví dụ như Uỷ ban Hoàng gia về Hệ thống Ngân hàng và những cuộc tranh luận về vấn đề tài trợ và tín phiếu Kho bạc, cùng sự chuẩn bị cho chiến tranh.

Cuốn sách này sẽ hé lộ quá trình mà những nhà kinh tế học Úc đã kinh qua để làm chủ một cách khéo léo nghệ thuật quản lí nhà nước theo kiểu Keynes được cho là sớm hơn hầu hết những người đồng cấp trên thế giới. Quá trình đó được bắt nguồn từ sự phát triển tư tưởng của họ trong suốt những năm từ 1929 đến 1939. Trong khi nghiên cứu được đặt trong miền đất lịch sử của những ý tưởng, đồng thời tồn tại một dòng nghiên cứu kinh tế chính trị, tập trung vào tương quan phức tạp giữa các ý tưởng kinh tế, các sự kiện, những đặc tính và chính sách của Úc trong thời chiến. Cuốn sách này cũng thẩm định kĩ lưỡng quá trình các nhà kinh tế Úc trải qua trước khi chạm tới các ý tưởng mới về triết học kinh tế vào những năm 1930 và liệu chúng có định hình nên các chính sách kinh tế hay không. Các hoạt động và tài liệu của các nhà kinh tế, thể hiện qua hàng loạt uỷ ban, các cuộc họp, thư từ và biên bản ghi nhớ, sẽ được tìm hiểu để vén bức màn che phủ khoảng cách nhận thức giữa các nhà kinh tế và chính trị gia. Người ta cho rằng, sau khi có được sức ảnh hưởng một cách bất thường vào năm 1931, tầm nhìn mới về mặt nhận thức của các nhà kinh tế, cốt là để phục vụ hoạt động quản lí kinh tế, đã thất bại bởi sự trì trệ chính trị, những đặc quyền đặc lợi và sự tự mãn. Việc xuất bản *Lý thuyết Tổng quát* của Keynes vào năm 1936, từng được cho là đã củng cố bước chuyển về mặt tư duy trong quản lí kinh tế. Cuốn sách

này cũng sẽ kiểm tra, bằng cách nào, với tư cách những người đầu tiên từ bỏ những phương pháp tư duy kinh tế cũ kỹ, các nhà kinh tế Úc có thể truyền bá tư duy mới mẻ này. Mặc dù thông thường lời khuyên của họ chẳng khác gì đàn gậy tai trâu; tư duy kinh tế mới thể hiện một hình thức quản lý kinh tế vĩ mô chặt chẽ rõ ràng và cụ thể hơn việc trông đợi vào “kế hoạch hóa” đã vượt qua các quy ước và thái độ chính trị. Điều này sẽ trở nên rõ ràng khi thẩm định các kế hoạch chính sách kinh tế phù hợp cho nước Úc trong những năm cuối 1930.

Bước chuyển về mặt triết học tất nhiên cần nhiều thời gian để cụ thể hoá dưới dạng chính sách. Một vài cơ quan, như Bộ Tài chính Liên bang - giống như cơ quan đồng cấp ở Anh Quốc - vẫn thờ ơ với “kinh tế học mới” của Keynes. Đó là do, một phần của kinh tế học tập trung chủ yếu vào nguyên lý cầu hiệu quả với những chính sách như các dự án công cộng, thâm hụt ngân sách và tiền rẻ như những cách phản ứng hiệu quả trước các cuộc khủng hoảng kinh tế. Hiểu một cách đơn giản, “kinh tế học mới” của Keynes đã đưa một quan điểm về nguồn lực vật chất vào kinh tế học. Cầu có thể được mở rộng một cách hợp lý nếu như tồn tại nguồn lực nhàn rỗi trong nền kinh tế. Cam kết đối với quản lý nghịch chu kỳ của tổng cầu là quá không bừa bãi. Ở một mức độ phức tạp hơn, điều này được chuyển biến không chỉ để kích tổng cầu mà còn nhằm tránh sự lệ thuộc vào nguồn lực thị trường để kéo nền kinh tế ra khỏi suy thoái. Trong khi cụm “chính sách kinh tế vĩ mô” chỉ bắt đầu được sử dụng kể từ năm 1941, sự nhấn mạnh của Keynes vào chiều kích tổng thể trong *Lý thuyết Tổng quát* đã đánh dấu khởi đầu hiệu quả của kinh tế học vĩ mô (Clark 1996:68-9). Nghiên cứu này sẽ khép lại bằng việc đánh giá các điều kiện thuận lợi tiên quyết cho việc chấp thuận và thâm nhập sớm chính sách kinh tế kiểu Keynes trong thời kỳ chiến tranh tại Úc.

Sự hấp dẫn của cuốn sách này

Sự gián đoạn trong lịch sử kinh tế Úc từ Cuộc suy thoái đến Chiến tranh thế giới thứ hai – một thời kỳ phục hồi và tái thiết – đã được khám phá tường tận bởi các sử gia kinh tế (Cain 1980, 1982, 1983, 1984, 1985, 1987a, 1987b, 1988a, 1988b; Schedvin 1970; Sinclair 1974; Clark 1976; Gregory và Butlin 1988). Trong một loạt bài báo, Neville Cain đã làm một nghiên cứu tiên phong về những thành phần tham gia, bao gồm các nhà kinh tế, các

CHIẾN THẮNG CỦA CÁC NHÀ KINH TẾ?

quan chức và chính trị gia, đằng sau sự hình thành chính sách kinh tế của Khối thịnh vượng chung từ Cuộc khủng hoảng cho đến năm 1936. Mặc dù vậy, cho đến bây giờ, không có một tác phẩm nào xem xét một cách thuyết phục và có hệ thống cách thức các nhà kinh tế Úc hướng đến một nhóm các ý tưởng kinh tế mới trong thời gian cận kề những năm 1939.

Phần lớn nghiên cứu về sự du nhập kinh tế học trường phái Keynes thường lấy mốc từ thế chiến thứ hai. Như nhà kinh tế học người Anh Ian Little đã nói (1957:35): “Nhờ những ý tưởng Keynesian (và chiến tranh), các nhà kinh tế đã tìm ra con đường của mình đến với chính phủ”. Ở Úc, điều này có chút khác biệt. Dường như có một sự chấp nhận “được tiết lộ” đối với *Lý thuyết Tổng quát* của Keynes bởi các nhà kinh tế Úc (King 1997). Turnell (1999:13) thừa nhận rằng sự truyền bá nhanh chóng của kinh tế học trường phái Keynes ở Úc là do các nhà kinh tế đã chấp nhận luồng trường phái Keynes nguyên gốc trên các diễn đàn quốc tế, cùng với các nghiên cứu chưa được công bố của họ, tất cả chúng đều tập trung vào việc ủng hộ tái lạm phát toàn cầu. Ngược lại, chính sách kinh tế quốc nội – được cho là trường hợp ngược lại đối đầu với nền kinh tế - thì chính thống hơn và giảm phát hơn. Kế hoạch của Thủ tướng trở thành nét chủ đạo trong chính sách kinh tế Úc trong những năm 1930 (Turnell 1999:23). Tuy nhiên, sự gián đoạn giữa các nhánh tư tưởng và chính sách kinh tế trong nước và quốc tế của Úc đã làm giảm việc tiếp cận bức tranh thực tế về sự tiếp thu của các nhà kinh tế Úc đối với *Lý thuyết Tổng quát* của Keynes.

Điều này bổ sung và nói rõ thêm cho tác phẩm chưa được xuất bản của Sean Turnell (1999) bằng việc chỉ ra cách các nhà kinh tế Úc cố gắng theo đuổi một dòng lý thuyết bành trướng hơn cho chính sách quốc gia từ năm 1932 trở đi. Chúng không được chuẩn bị cho việc chờ đợi một sự gia tăng giá xuất khẩu để mang lại sự phục hồi; và sức nặng từ những nghĩa vụ đối ngoại của Úc đã không hoàn toàn hạn chế những nỗ lực giảm phát trong nước. Quả thực, sự thất bại của hai hội nghị lớn về thương mại quốc tế và tiền tệ được tổ chức vào năm 1932 và 1933 nhằm tạo ra một gói kích thích kinh tế toàn cầu làm tăng thu nhập từ việc xuất khẩu của các quốc gia như Úc đã tạo ra một niềm tin gượng ép vào những thủ đoạn trong nước. Hướng tiếp cận này được khuyến khích và được cung cấp thông tin về mặt lý thuyết bởi Keynes, nhưng không chỉ từ việc xuất bản *Lý thuyết Tổng quát*, mà còn sớm hơn nữa vào năm 1932 với bài nhận xét sâu sắc về tư duy chính trị của các nhà kinh tế

Úc. Nhìn chung, chính quyền liên bang không chấp thuận lý thuyết bành trướng của các nhà kinh tế Úc. Tuy nhiên, các nhà kinh tế cũng có một vài thành công trong việc ngăn chặn việc chính sách tiền tệ khỏi việc ngày một thắt chặt hơn so với trước đây. Đã có một sự công nhận rộng rãi về giá trị của các chuyên gia kinh tế khi mà chính phủ liên bang thành lập một ủy ban vào năm 1938 nhằm giải quyết sự quá độ lên một cuộc chiến kinh tế (Coombs 1981:7).

Có những lí do hấp dẫn khác cho cuộc nghiên cứu này. Trong các văn liệu truyền bá chủ nghĩa Keynes trên khắp các quốc gia, chỉ có một vài nghiên cứu đề cập tới, và chỉ ở mức độ hời hợt, sự tiếp nhận *Lý thuyết Tổng quát* ở Úc (Coleman và cộng sự 2006; Cain 1983; Cornish 1993; Markwell 1985; Turnell, 1999; Smyth 1994; Whitwell 1994). Cain (1983:21) đã mạnh dạn đề xuất những người khác điều tra “tác động đối lập của *Lý thuyết Tổng quát*” đến các nhà kinh tế và các nhà hoạch định chính sách của Úc trước năm 1939. Cũng có khá ít nghiên cứu về cách thức các nhà kinh tế định hình chính sách kinh tế trong nước trong những năm 1930 hơn những đóng góp của Cain và những công trình của Copland (1934), Walker (1933a) và Schedvin (1970). Có ít văn liệu nghiên cứu về những cuộc tranh luận và phạm vi của chính sách kinh tế Úc từ năm 1936 cho đến năm 1939. Nói về điều này, người ta khẳng định rằng tất cả các nhà Kinh tế Úc về cơ bản đều theo trường phái Keynes – về mặt lí thuyết và chính sách – khi thế chiến thứ hai⁸ bắt đầu. Chắc chắn rằng, Richard Downing (1962), một nhà kinh tế trẻ người Úc ở thời điểm đó, đã gợi nhớ rằng đây là một trường hợp. Từ điều này, có thể nói rằng Úc, ngoại trừ Thụy Điển, đã dẫn đầu trào lưu du nhập chủ nghĩa Keynes (Winch 1966). Một nhà sử học đã đi khá xa khi khẳng định rằng các cơ quan tiền tệ Úc hay ngân hàng trung ương đã áp dụng chính sách được khuyến khích bởi trường phái Keynes vào năm 1938 để cách li quốc gia này khỏi tác động của cuộc suy thoái Roosevelt (Gilbert 1973:219). Tuy nhiên, sự đánh giá được thừa nhận của chính sách kinh tế Úc trong suốt những năm 1930, thường âm ỉ hơn; cả tính hiệu quả của chính sách kinh tế những năm 1930 và những đóng góp về lí thuyết và công cộng của các nhà kinh tế đã gợi nên sự nghi ngờ và được đánh giá là tương đối kém so với những nỗ lực ở

⁸ Melville, TRC 182, 1971, NLA, p. 158

CHIẾN THẮNG CỦA CÁC NHÀ KINH TẾ?

các nước khác trên thế giới (Schedvin 1970)⁹. Quan điểm này sẽ được xem xét lại và bị xem là không đủ khả năng thuyết phục.

Trong nhiều văn liệu về thời kì này, có rất ít nghiên cứu về các nhân tố đã giúp định hình chính sách công ở Úc, đặc biệt là tác động qua lại giữa các ý tưởng kinh tế và chính sách kinh tế. Nghiên cứu đã được hoàn thiện của Peter Hall (1989) về sự truyền bá ý tưởng Keynesian đến các quốc gia cho thấy rằng tác động của những ý tưởng của Keynes không thể bị tách khỏi những trường hợp cụ thể của mỗi quốc gia. Hall đã tiên phong ở ba hướng tiếp cận phân tích trong nghiên cứu về cách thức mà ý tưởng kinh tế mới này thâm dần vào chính sách. Cách tiếp cận “nhà nước là trung tâm” tập trung vào vai trò của các cơ quan hoạch định chính sách như những người kiến tạo, hay những người hạn chế sự truyền bá các ý tưởng kinh tế mới (Hall 1989:19-12). Về vấn đề này, có thể lập luận rằng nước Úc có được sự hòa hợp về mặt triết lý từ các cơ quan chính phủ và từ văn hóa đang thịnh hành đề sẵn sàng đón nhận chủ nghĩa Keynes (Smyth 1994). Về mặt tổ chức, Úc có khu vực công lớn và các nhà kinh tế chuộng khu vực công, ở một chừng mực nào đó đã ủng hộ việc bảo hộ thuế và các dự án đầu tư công để có những nền tảng phát triển kinh tế (Whitwell 1986:56). Nước Úc cũng sở hữu một số các nhà kinh tế năng động đến từ các trường đại học luôn có sức ảnh hưởng và khéo léo trong việc đưa ra các lời khuyên thực tế và hài hòa cho các chính phủ. (Gree 1960:29-32; Cain 1973; Copland 1951). Một phần do sắp đặt và một phần do ngẫu nhiên, ngân hàng trung ương Úc tài trợ phần ngân sách bị thâm hụt bằng việc sử dụng tín phiếu Kho bạc trong suốt thời kì Khủng hoảng và nhờ vậy đã đảm bảo được tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng (Copland 1932a). Cuối cùng, Úc có một hệ thống điều tiền lương cố định tập trung hóa – “một hình thức kiểm soát nền kinh tế” - tạo ra một cơ quan độc lập nhưng đáng tin cậy, Tòa Trọng tài, một đòn bẫy trực tiếp với các mức lương (Reddaway:1938). Do đó, về mặt quản trị, Úc có nhiều cơ sở trong công cụ tổ chức cần thiết cho việc quản lí kinh tế hơn. Chủ nghĩa Keynes trong giai đoạn phôi thai đã

⁹ Công trình của Boris Schedvin “Nước Úc và Cuộc Đại khủng hoảng (1970)” bắt nguồn từ luận văn của ông tại Đại học Sydney, với tiêu đề “Chính sách kinh tế trong khủng hoảng và sự phục hồi của nước Úc 1927-1935” (1964). Học vị tiến sĩ, tự nó, đã có một vài đặc tính thường trực như tấm bằng Tiến sĩ đầu tiên được trao bởi Khoa Kinh tế của Đại học Sydney (Groenewegen 2009:81). Thực ra, theo nghiên cứu của Schedvin kết luận vào năm 1935, tương tự quan sát của Hancock rằng Schedvin tương đối ít chú ý đến giai đoạn 1935-39. Dyster và Meredith (1990:146) cũng cố thêm điều này.

xuất hiện, nhưng thiếu đi sức thuyết phục về triết học và trí tuệ đối với tầng lớp tinh hoa chính trị.

Cách tiếp cận thứ hai của Hall là ‘lấy sự liên minh làm trung tâm’, theo đó chính trị kinh tế phụ thuộc vào sự tác động qua lại giữa các nhóm lợi ích chính trị linh động (1989:12). Ở đây, Hall nhấn mạnh rằng chính trị được phục vụ như một ngân hàng những áp lực cho các nhóm khác nhau với những lợi ích khác nhau (Hall 1989:13). Cách tiếp cận cuối cùng là ‘tiếp cận tập trung vào nhà kinh tế’. Theo cách này, các nhà kinh tế và các nhà trí thức đóng một vai trò hết sức quan trọng không chỉ trong việc truyền bá các ý tưởng kinh tế mới mà còn định hình nên chính sách (Hall 1989:9). Như Whitwell (1994:123-4) ghi nhận, quả thực cách tiếp cận theo hướng tập trung vào nhà kinh tế có xu hướng phóng đại tầm ảnh hưởng của các nhà kinh tế và những ý tưởng mới của họ trong việc hình thành chính sách. Trong khi Hall lập luận rằng một học thuyết mới để điều hành một quốc gia cần có những điều kiện thích hợp ở cả ba khía cạnh, chúng tôi sẽ tập trung trước tiên vào cách tiếp cận sau bởi vì nó thu hút sự chú ý vào những đặc điểm của bản thân các ý tưởng Keynesian. Nghĩa là những ý tưởng này có thể có sức thuyết phục và động lực chính trị, và nó buộc chúng ta phải cân nhắc ý tưởng nào thì làm nên sức thuyết phục và ý tưởng nào thì không (Hall 1989:9-10). Dĩ nhiên, chúng ta phải cẩn trọng khi lấy một quan điểm ‘đơn giản và thú vị’ để mô tả ‘lí thuyết kinh tế như là động lực chính đằng sau chính trị’ (Booth 1983:104). Bên cạnh chính trị, các nhân tố và biến số khác cũng được đưa vào quá trình. Chúng tôi chấp nhận cách tiếp cận này, tuy nhiên, bởi nó cho phép chúng tôi tập trung vào cách các nhà kinh tế học trải qua một sự thay đổi trong nhận thức của họ và dấu rằng nó có ảnh hưởng đến chính sách kinh tế chính thức hay không.

Trật tự của cuốn sách này

Nghiên cứu này gồm 10 chương được chia thành 3 phần chủ đề. Phần I với tiêu đề “Trở lại sâu khấu: giới kinh tế Úc trong giai đoạn giữa hai cuộc thế chiến”. Chương 2 rà soát nghiên cứu về các ý tưởng kinh tế và chính sách và một đánh giá sơ bộ gần đây của các nhà kinh tế Úc. Chương 3 cung cấp một số thông tin về những vấn đề bất thường mà nền kinh tế Úc phải đương đầu và các tổ chức kinh tế và các nhà hoạch định chính sách dựa vào trong cuộc đại khủng hoảng. Chương cuối của phần I hé lộ phần thú vị nhất của nghiên cứu

CHIẾN THẮNG CỦA CÁC NHÀ KINH TẾ?

– chính là về giới nghiên cứu kinh tế ở Úc cũng như nền tảng lí thuyết và thực tiễn của giới này.

Phần II với tiêu đề “Chiến thắng và trở ngại”, kể lại việc vào năm 1931 các nhà kinh tế Úc đã tận dụng cơ hội trình bày kế hoạch bình ổn kinh tế được định hình và thích nghi nhờ một số điều chỉnh từ các lí thuyết kinh tế đã có trước đó. Chương 5 thảo luận về nguồn gốc lí thuyết và căn nguyên của Kế hoạch của Thủ tướng và những biện pháp để triển khai, cùng với đó là cách chúng được xem như một thành công chói lọi của giới kinh tế. Tuy nhiên, những năm sau, giới kinh tế đã vô cùng thất vọng khi những tư tưởng kinh tế đổi mới tiếp đó bị chính quyền loại bỏ. Chương 6 và Chương 7 đề cập đến những trở ngại đối với chính sách kinh tế khai sáng. Một nguyên nhân khiến lời khuyên của giới chuyên gia không được chú ý đến là bởi sự phục hồi kinh tế sau đó đã trở thành tất yếu và các nhà chức trách chính trị và tiền tệ lưỡng lự không muốn làm điều gì gây nguy hại thêm nữa. Điều này là không đúng trong thời kì ám đạ – từ 1932 đến 1934 – khi mà các nhà chức trách tiền tệ từ chối lời khuyên về một chính sách kinh tế bành trướng của một ủy ban các nhà kinh tế.

Phần cuối của cuốn sách có tên “Sự phát triển của các ý tưởng Keynesian”, gồm Chương 8, Chương 9 và Chương 10, kèm theo một kết luận ngắn ngay sau đó. Với tư cách là những nhà cải cách tiền tệ, các nhà kinh tế Úc có cơ hội may mắn để có thể áp dụng những quan điểm mới nhất của họ vào chính sách kinh tế - đặc biệt trong việc lựa chọn giữa việc bình ổn giá cả và ổn định tỉ giá hối đoái – theo một cuộc điều tra chính thức. Ủy ban Hoàng gia về Ngân hàng và Hệ thống Tiền tệ đã hình thành do sự không hài lòng với việc điều hành của các ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương trong suốt Cuộc khủng hoảng. Chương 8 bàn đến những nghiên cứu của ủy ban – một phần rất quan trọng đã được phát triển từ các bằng chứng được thực hiện bởi các nhà kinh tế. Nhờ một số bằng chứng đó được trích từ *Lý thuyết tổng quát* của Keynes, việc tiếp nhận sớm của các nhà kinh tế Úc đối với những ý tưởng này cũng sẽ được kiểm chứng. Như Chương 9 cho thấy, đây là trường hợp về một nhận thức mới với cơ sở phong phú mà các nhà kinh tế Úc đã áp dụng luận điểm lí thuyết mới này để áp dụng, trước hết, với một nền kinh tế chưa đạt đến trạng thái cân bằng, và tiếp theo là rủi ro bị ảnh hưởng bởi một cuộc suy thoái trên thế giới. Vấn

đề cấp bách đầu tiên được các nhà kinh tế giải quyết bằng khuyến nghị tăng lương thực tế, trong khi vấn đề cấp bách thứ hai lại được giải quyết bởi ngân hàng trung ương bằng việc dùng biện pháp tiền tệ ưu tiên để ngăn chặn và bảo vệ nền kinh tế khỏi những biến động với cán cân thương mại của Úc. Chương cuối thảo luận ngắn gọn về việc bằng cách nào các nhà kinh tế đóng một vai trò phê phán trong việc định hướng về vấn đề tài chính chiến tranh của Úc. Trước khi lời tư vấn của các nhà kinh tế thâm nhập vào các chính sách chính thức của chính phủ, chính phủ liên bang đã phải trải qua một thời kì khó khăn trong việc cân bằng giữa tăng chi tiêu quốc phòng với tăng chi tiêu xã hội. Bên cạnh việc giải quyết tình trạng trì trệ của nền kinh tế, các nhà kinh tế cũng phải đấu tranh với một nhà nước đang lưỡng lự trong việc hạn chế vay nợ. Những lời khuyên đúng đắn từ các nhà kinh tế, cùng với một Bộ Tài chính sáng suốt sẽ giải quyết nỗi phiền muộn mà chính phủ đang gặp phải.



NHỮNG TÁC PHẨM DỊCH KHÁC

BET-01 Điều gì đang xảy ra với kinh tế học dòng chính

BET-02 Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản: Keynes đối đầu với Marx

BET-03 Nghệ thuật và khoa học của Kinh tế học tại Cambridge

BET-04 Keynes đã đến nước Anh như thế nào

BET-05 Kinh tế học Keynesian, Keynesian mới và Cổ điển mới

BET-06 Điều làm nên một nhà kinh tế học

LIÊN HỆ

Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng (Broaden Economics)

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 707, Nhà E4

144 Xuân Thủy, Cầu Giấy

Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3 754 7506 -704/714/734

Fax: (84-4) 3 754 9921

Email: broadeneconomics@rethinkeconomics.org

Website: www.vepr.org.vn